

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-ST

Ngày: 31/3/2026

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Anh và bà Cao Thị Hải An

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2026/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2026 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1968 – có mặt

Trú tại: **xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An**

Người đại diện theo ủy quyền: **Văn phòng L – chi nhánh B** – có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: **số H L, phường V, tỉnh Bắc Ninh**

Đại diện theo pháp luật: Luật sư **Phạm Minh T**

(Theo Giấy ủy quyền số 09/2025/GUD-DTBN)

- *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị H1**, sinh năm 1959 – có đơn xin vắng mặt

Trú tại: **K, xã D, tỉnh Nghệ An**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà bà **Phan Thị H** trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên ngày 18/8/2024 bà có cho bà **Hồ Thị H1** vay số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên viết giấy vay nợ là mẫu giấy bán hàng tiêu đề hiệu vàng Kim Hoa, không hẹn thời gian trả nợ và thống nhất tính lãi suất là 0.7%/tháng. Bà **H1** đã trả nợ cho bà tổng cộng năm lần với số tiền 74.000.000 đồng. Về lãi suất bà **H1** đã trả cho bà được hai tháng. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà **H1** phải trả nợ cho bà số tiền nợ gốc 234 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày

08/5/2025 nhưng sau đó bà H1 đã trả thêm cho bà 8.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà H1 trả cho bà số tiền nợ gốc 226 triệu đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0.7% tháng tính từ ngày 18/9/2024 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, Bà Phan Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bà H1 phải trả nợ cho bà số tiền vay gốc là 226.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,7% của tiền nợ gốc 226.000.0000 đồng của 15 tháng tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2026, bị đơn bà Hồ Thị H1 trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của bà H về mối quan hệ, thời gian và số tiền vay nợ. Việc vay nợ trả nợ từ đầu đến cuối là của cá nhân bà và bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ số tiền 234.000.000 đồng thì bà chấp nhận trả cho bà H số tiền nợ gốc là 226.000.000 đồng vì thực tế bà đã trả nợ cho bà H 74.000.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh của bà hiện nay không thể trả nợ ngay cho bà H được bà xin trả dần và được miễn tiền lãi. Do tình hình sức khỏe bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bị đơn bà Hồ Thị H1.

Buộc đơn bà Hồ Thị H1 phải trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc 226.000.000 đồng

Về lãi suất: buộc bà Hồ Thị H1 phải trả cho bà Phan Thị H số tiền lãi suất với mức lãi 0.7%/ tháng tính trên dư nợ gốc 226.000.000 đồng x 15 tháng.

Án phí: bị đơn được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Phan Thị H và bà Hồ Thị H1 được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Bà Hồ Thị H1 có địa chỉ cư trú tại K, xã D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Văn phòng luật sư Danh T1 và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị H1 trả số tiền nợ gốc là 226.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất ghi trong Giấy vay nợ đề ngày 18/8/2024 không xác định thời hạn trả nợ và có xác định lãi suất. Điều 463 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*

Giấy vay tiền giữa bà Phan Thị H và bà Hồ Thị H1 là loại Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, do đó bên vay *“có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”* (khoản 2, Điều 469).

Nguyên đơn bà Phan Thị H đã có Thông báo trả nợ ngày 12/12/2025, yêu cầu thời hạn trả nợ đối với bị đơn bà Hồ Thị H1 là 15/12/2025. Đến thời hạn trả nợ mà bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản. Vì vậy việc khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn bà Phan Thị H là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 0.7% mà hai bên đã ghi và thống nhất trong giấy vay nợ, bị đơn không có yêu cầu phản tố mà chỉ xin miễn tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự *“lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có*

liên quan quy định khác”. Nghị quyết 01 ngày 11/01/2029 cũng quy định tại khoản 2 Điều 5 là “:2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc)”

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền lãi suất theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Giấy vay nợ, thời hạn tính lãi là 15 tháng trên dư nợ gốc hiện tại là 226.000.000 triệu đồng, xét yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với thỏa thuận các bên khi xác lập Hợp đồng dân sự cũng như các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc bà **Hồ Thị H1** phải trả tiền lãi theo mức lãi 0.7.% tháng trên số tiền nợ gốc là 226.000.000 (hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng của 15 tháng. Cụ thể: $226.000.000 \times 0.7 \% \times 15 \text{ tháng} = 1.582.000 \times 15 \text{ tháng} = 23.730.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ bà **Hồ Thị H1** phải trả lại cho bà **Phan Thị H** là: 249.730.000 (Hai trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

[4] Về án phí: bà **Hồ Thị H1** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho bà **Phan Thị H** 6.370.000 (Sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000111 ngày 07/01/2026

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị H**

1. Về yêu cầu trả nợ: Buộc bà **Hồ Thị H1** có nghĩa vụ trả cho bà **Phan Thị H** số tiền nợ gốc 226.000.000 (hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi là 23.730.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng. Tổng cộng 249.730.000 (*Hai trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: **Hồ Thị H1** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho bà **Phan Thị H** 6.370.000 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000111 ngày 07/01/2026

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Danh H2

